

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HÒA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-2-2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đình Đức

2. Ông Vũ Thành Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Tứ - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 02 tháng 2 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXX-ST ngày 18 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Xuân N, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Đặng Thị L, sinh năm 1971, địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Xuân N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh có thời gian chung sống như vợ chồng với chị Đặng Thị L từ tháng 11/1987 đến năm 2006, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống. Đến khoảng cuối năm 2006, chị L bỏ đi làm tại Hà Nội, bỏ lại các con nhỏ cho một mình anh chăm sóc. Hiện nay anh và chị L không đi lại hoặc liên lạc gì với nhau nữa. Chị L hàng năm vẫn về quê chơi nhưng không về nhà anh mà về ở nhà anh trai

của chị L tại xã T, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Vì vậy anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa giải quyết cho anh và chị L được ly hôn hoặc đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa không công nhận là vợ chồng giữa anh và chị L.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 13/9/1989, Nguyễn Huyền T, sinh ngày 21/04/1991 và Nguyễn Thị M, sinh ngày 26/3/1994. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành và đều đã có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Xuân N vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị L vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và có lời khai trình bày:

Kể từ ngày 12-11-1987 chị có về chung sống với anh Nguyễn Xuân N. Nay anh chị có với nhau 03 con, đến năm 2021 các con đã xây dựng gia đình riêng. Do hai vợ chồng chung sống không có tình cảm với nhau nữa. Chị mong tòa giải quyết cho hai vợ chồng chị được tự do.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không trình bày gì khác.

Về án phí: Anh N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay các đương sự vắng mặt nhưng đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị L có chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11/1987 đến năm 2006 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân xã T đã xác nhận trong đơn đề nghị xác nhận của anh Nguyễn Xuân N ngày 18/11/2020. Quá trình chung sống giữa anh N và chị L có mâu thuẫn phát sinh do bất đồng ý kiến trong cuộc sống. Hiện nay anh N và chị L không chung sống với nhau nữa.

Theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị L.

[3] Về con chung: Anh N và chị L có 03 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 13/9/1989, Nguyễn Huyền T, sinh ngày 21/04/1991 và Nguyễn Thị M, sinh

ngày 26/3/1994 đều đã trưởng thành và đều đã có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không phải giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

[5] Về án phí: Anh N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ quốc hội số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Xuân N và chị Đặng Thị L.

Về con chung: Anh N và chị L có 03 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 13/9/1989, Nguyễn Huyền T, sinh ngày 21/04/1991 và Nguyễn Thị M, sinh ngày 26/3/1994 đều đã trưởng thành và đều đã có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xác nhận anh N đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002558 ngày 31/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Hạ Hòa;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa;
- UBND xã T, huyện H, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HS, VP, KT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Đình Chi